

Số: 83/2017/CV-KT
"V/v: Giải trình chênh lệch ít hơn 10% LNST
cùng kỳ năm trước"

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại xin giải trình nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế ít hơn 10% so với 6 tháng/2016 như sau:

6 tháng năm 2017 tình hình thị trường hàng hoá, vận tải biển trong nước nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tuyến vận tải truyền thống của Công ty là vận chuyển thạch cao từ Thái Lan về Việt Nam bị sụt giảm sản lượng buộc Công ty phải tìm tuyến khai thác khác đi Hàn Quốc, Đài Loan, Malaixia kém hiệu quả hơn, chi phí tại các cảng cũng tăng cao hơn so với các cảng truyền thống. Một số chuyến tàu phải chạy rỗng đến cảng xếp hàng dẫn đến phát sinh chi phí. Đồng thời thời gian khai thác của tàu 6 tháng năm nay bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết xấu (mưa nhiều) làm cho lịch trình tàu kéo dài, làm tăng thời gian chuyển. Tình trạng kẹt cầu tại một số cảng vẫn tiếp diễn làm tăng thời gian chờ đợi, phát sinh thêm chi phí trong giá thành vận tải. Giá nhiên liệu đầu vào tăng cao (30% đến 40% tùy loại) góp phần đẩy giá vốn kinh doanh vận tải biển cũng tăng cao so với 6 tháng năm 2016. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2017, doanh thu hoạt động vận tải biển đạt 59,3 tỷ đồng, giảm 4,04% so với cùng kỳ năm trước nhưng giá vốn hàng bán kỳ này là 53,9 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động dịch vụ vận tải có tiến triển tốt khi sản lượng vận chuyển thép từ Bắc đi khu vực miền Trung và miền Nam đã tăng hơn so với cuối năm 2016 nên doanh thu hoạt động dịch vụ vận tải nội địa đạt kết quả khả quan. Doanh thu hoạt động dịch vụ vận tải kỳ này đạt 36,5 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán hoạt động dịch vụ kỳ này là 35,6 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm trước.

Từ những nguyên nhân trên, kết thúc 6 tháng/2017, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 95,8 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước nhưng giá vốn hàng bán của kỳ này là 89,5 tỷ đồng, tăng 28,04% so với cùng kỳ năm trước mặc dù Công ty đã cố gắng hết sức để tiết giảm các khoản chi phí. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1,42 tỷ đồng, giảm 85,45% so với 6 tháng/2016. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 1,13 tỷ đồng, giảm 85,45% so với 6 tháng/2016.

Nơi nhận

- Như k/g
- Lưu KT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-32

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch
Ông Phan Duy Vân	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, trong đó mô tả nghĩa vụ thanh toán chưa chắc chắn của Công ty liên quan đến vụ kiện tàu Transco Star. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		28.371.660.317	30.038.014.222
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.369.980.477	13.424.910.079
111	1. Tiền		5.369.980.477	13.424.910.079
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.192.762.659	7.863.187.272
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	9.728.955.597	6.310.625.669
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	670.753.561	874.035.934
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.061.255.131	946.727.299
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(268.201.630)	(268.201.630)
140	IV. Hàng tồn kho	8	6.909.702.596	6.191.147.192
141	1. Hàng tồn kho		6.909.702.596	6.191.147.192
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.899.214.585	2.558.769.679
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.030.524.888	813.956.963
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.868.689.697	1.744.812.716
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		154.282.648.002	165.405.019.390
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		94.200.000	14.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	94.200.000	14.200.000
220	II. Tài sản cố định		152.711.057.072	163.668.660.950
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	145.455.761.072	156.413.364.950
222	- Nguyên giá		293.919.333.339	293.919.333.339
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(148.463.572.267)	(137.505.968.389)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.460.325.255
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.460.325.255
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.477.390.930	261.833.185
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.477.390.930	261.833.185
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		182.654.308.319	195.443.033.612

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		54.951.155.537	67.990.976.368
310	I. Nợ ngắn hạn		34.946.155.537	45.685.976.368
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	13.679.183.063	13.588.922.306
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	799.997.814	2.004.643.112
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	330.505.448	1.627.477.853
314	4. Phải trả người lao động		2.705.260.543	4.282.455.247
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	136.494.019	334.739.118
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	510.570.571	480.842.270
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	14.354.647.094	21.775.439.495
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	932.769.610	430.178.815
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.496.727.375	1.161.278.152
330	II. Nợ dài hạn		20.005.000.000	22.305.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	20.005.000.000	22.305.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		127.703.152.782	127.452.057.244
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	127.703.152.782	127.452.057.244
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.996.557.898	7.424.197.754
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.698.609.884	29.019.874.490
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		27.560.682.173	17.572.671.606
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.137.927.711	11.447.202.884
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		182.654.308.319	195.443.033.612

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Trưởng phòng kế toán



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	95.825.747.892	85.611.175.887
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.825.747.892	85.611.175.887
11	4. Giá vốn hàng bán	22	89.524.024.861	69.942.597.460
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.301.723.031	15.668.578.427
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	203.671.331	392.744.305
22	7. Chi phí tài chính	24	1.449.701.228	2.088.745.550
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.404.704.497	2.032.897.638
25	8. Chi phí bán hàng	25	686.149.724	445.213.308
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.488.262.161	3.737.760.513
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		881.281.249	9.789.603.361
31	11. Thu nhập khác	27	646.596.652	209.513.803
32	12. Chi phí khác	28	105.468.262	222.910.261
40	13. Lợi nhuận khác		541.128.390	(13.396.458)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.422.409.639	9.776.206.903
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	284.481.928	1.955.241.381
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.137.927.711</u>	<u>7.820.965.522</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	124	855

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Trưởng phòng kế toán



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		92.602.935.331	91.591.776.572
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(76.838.049.671)	(58.655.305.344)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.986.247.998)	(9.163.219.472)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.593.082.574)	(2.294.287.026)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.613.472.491)	(1.915.042.790)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.197.189.955	9.477.768.009
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.206.573.984)	(1.766.804.402)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>1.562.698.568</i>	<i>27.274.885.547</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.001.163	9.563.249
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>3.001.163</i>	<i>9.563.249</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		16.746.425.975	955.925.276
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(26.366.658.720)	(23.644.268.311)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.720.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(9.620.232.745)</i>	<i>(24.408.343.035)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(8.054.533.014)</i>	<i>2.876.105.761</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.424.910.079	12.494.830.317
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(396.588)	(490.930)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.369.980.477</u>	<u>15.370.445.148</u>



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Thanh Nhạn
Trưởng phòng kế toán

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển, dịch vụ logistic.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2017, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu vận tải biển giảm trong khi chi phí hoạt động vận tải biển lại biến động tăng so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến tỷ lệ lãi gộp của hoạt động vận tải biển sụt giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do mặt hàng chủ lực của Công ty là vận chuyển thạch cao nhập khẩu từ Bangkok về Nghi Sơn sụt giảm sản lượng do lượng tiêu thụ xi măng của nhà máy giảm, Công ty buộc phải chuyển hướng sang xếp hàng gỗ từ Malaysia đi Đài Loan, cám cọ từ Indonesia đi Hàn Quốc, các tuyến này vận tải không hiệu quả do mất nhiều thời gian chờ đợi xếp dỡ hàng, hành trình trong điều kiện thời tiết xấu, có gió mùa, thời gian chuyển đi kéo dài, chi phí cảng phí tăng mạnh. Một số chuyến tàu buộc phải chạy rỗng đến cảng xếp hàng dẫn đến phát sinh chi phí. Mặt khác giá nhiên liệu tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước (khoảng 40%-50%) góp phần đẩy giá vốn tăng cao.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

Dịch vụ vận tải

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|--|---------|-----|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 | năm |
| - Quyền sử dụng đất không có thời hạn: không trích khấu hao. | | |

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

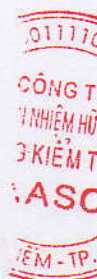
Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	653.695.054	667.654.585
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.716.285.423	12.757.255.494
	<u><u>5.369.980.477</u></u>	<u><u>13.424.910.079</u></u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	7.504.492.880	4.572.972.412
- Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	387.656.933	459.292.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.836.805.784	1.278.361.257
	<u><u>9.728.955.597</u></u>	<u><u>6.310.625.669</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đức kim loại và thương mại Tân Duy Hưng	150.000.000	-	145.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Thành Luyện	-	-	245.000.000	-
Công ty TNHH Phương Nam	200.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng và vận tải Gia Bảo	120.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	200.753.561	-	484.035.934	-
	<u>670.753.561</u>	<u>-</u>	<u>874.035.934</u>	<u>-</u>

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	751.158.919	-	765.255.029	-
Phải thu bảo hiểm tiền bồi thường hàng hóa	309.844.212	-	181.056.470	-
Phải thu khác	252.000	-	415.800	-
	<u>1.061.255.131</u>	<u>-</u>	<u>946.727.299</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	94.200.000	-	14.200.000	-
	<u>94.200.000</u>	<u>-</u>	<u>14.200.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,

Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

7 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	268.201.630	-	268.201.630	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuyên	185.771.630	-	185.771.630	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiến Ngọc	82.430.000	-	82.430.000	-
	268.201.630	-	268.201.630	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.909.702.596	-	6.191.147.192	-
	6.909.702.596	-	6.191.147.192	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	293.883.923.908	35.409.431	293.919.333.339
Số dư cuối kỳ	293.883.923.908	35.409.431	293.919.333.339
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	137.470.558.958	35.409.431	137.505.968.389
- Khấu hao trong kỳ	10.957.603.878	-	10.957.603.878
Số dư cuối kỳ	148.428.162.836	35.409.431	148.463.572.267
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	156.413.364.950	-	156.413.364.950
Tại ngày cuối kỳ	145.455.761.072	-	145.455.761.072

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 144.226.133.346 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 189.817.240 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty với tổng giá trị là 7.255.296.000 đồng là quyền sử dụng lâu dài với diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng. Tài sản này đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tàu Transco Star	384.010.680	318.591.064
Chi phí bảo hiểm tàu Transco Sky	340.220.449	300.834.736
Chi phí bảo hiểm tàu Transco Glory	264.693.934	194.531.163
Chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Star	1.027.805.825	-
Phí bảo hiểm hàng vận chuyển nội địa tàu Gia Hưng	13.794.000	-
	2.030.524.888	813.956.963
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Glory	1.477.390.930	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Tranco Sky	-	261.833.185
	1.477.390.930	261.833.185

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ & Vận tải Vinh	2.097.878.814	2.097.878.814	1.022.780.152	1.022.780.152
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	914.813.250	914.813.250	1.365.219.800	1.365.219.800
Wongsamut Ocean	789.834.375	789.834.375	1.635.796.340	1.635.796.340
Fratelli Cosulich	1.240.737.300	1.240.737.300	2.321.601.800	2.321.601.800
Bunkers (HK) Ltd				
Công ty Cổ phần Minh Hải	1.663.847.336	1.663.847.336	481.529.147	481.529.147
Phải trả các đối tượng khác	6.972.071.988	6.972.071.988	6.761.995.067	6.761.995.067
	13.679.183.063	13.679.183.063	13.588.922.306	13.588.922.306

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Sunbulk Shipping Limited	-	1.982.600.714
Tongli Shipping Co., Ltd Samoa	777.955.416	-
Người mua trả tiền trước khác	22.042.398	22.042.398
	799.997.814	2.004.643.112

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải PhòngBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.613.472.491		284.481.928		1.613.472.491		-		284.481.928	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		14.005.362		67.617.797		35.599.639		-		46.023.520	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
	-		1.627.477.853		355.099.725		1.652.072.130		-		330.505.448	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	136.494.019	324.872.096
- Chi phí phải trả khác	-	9.867.022
	<u>136.494.019</u>	<u>334.739.118</u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	32.966.250	61.556.366
- Bảo hiểm xã hội	384.375	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	48.750	-
- Phải trả cho Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	199.544.600	163.544.600
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	109.108.659	86.341.046
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	91.954.496	106.879.255
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	76.563.441	62.521.003
	<u>510.570.571</u>	<u>480.842.270</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a)						
Vay ngắn hạn	21.775.439.495	21.775.439.495	19.046.425.975	26.467.218.376	14.354.647.094	14.354.647.094
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	571.856.555	571.856.555	16.746.425.975	8.861.295.436	8.456.987.094	8.456.987.094
- Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	21.203.582.940	21.203.582.940	2.300.000.000	17.605.922.940	5.897.660.000	5.897.660.000
	21.775.439.495	21.775.439.495	19.046.425.975	26.467.218.376	14.354.647.094	14.354.647.094
b)						
Vay dài hạn	43.508.582.940	43.508.582.940	-	17.605.922.940	25.902.660.000	25.902.660.000
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng						
	43.508.582.940	43.508.582.940	-	17.605.922.940	25.902.660.000	25.902.660.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(21.203.582.940)	(21.203.582.940)	(2.300.000.000)	(17.605.922.940)	(5.897.660.000)	(5.897.660.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	22.305.000.000	22.305.000.000			20.005.000.000	20.005.000.000

CÔNG
HÀNH
NG
A
DAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠIP.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT-166-TRANSCO ngày 25/07/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTD-SĐBS/NHCT-166-TRANSCO ngày 13/06/2017 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: phục vụ cho hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 25/07/2016 đến ngày 15/07/2017;
 - + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi, được xác định và điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Lãi suất trong năm là 9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 8.456.987.094 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009 và các phụ lục sửa đổi hợp đồng tín dụng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE (Transco Sky) trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
 - + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 158.000 USD (tương đương với 3.597.660.000 đồng), trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 158.000 USD (tương đương với 3.597.660.000 đồng).
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDH/NHCT166-TRANSCO ngày 10/07/2015 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 30.905.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý thuộc dự án đầu tư mua tàu Atago (Transco Glory) trọng tải 8.782 tấn đã qua sử dụng;
 - + Thời hạn cho vay: 7 năm (84 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng hoặc kỳ hạn khác tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 5%/năm. Lãi suất trong năm là 8,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 22.305.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 2.300.000.000 đồng.

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa định kỳ tàu Transco Sky	932.769.610	-
- Chi phí sửa chữa định kỳ tàu Transco Star	-	430.178.815
	<u>932.769.610</u>	<u>430.178.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND	VND	
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000		5.007.985.000		6.892.610.858		25.722.162.778		123.622.758.636
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-		-		-		7.820.965.522		7.820.965.522
Phân phối lợi nhuận	-		-		531.586.896		(1.269.491.172)		(737.904.276)
Số dư cuối kỳ trước	86.000.000.000		5.007.985.000		7.424.197.754		32.273.637.128		130.705.819.882
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000		5.007.985.000		7.424.197.754		29.019.874.490		127.452.057.244
Lãi/lỗ trong kỳ này	-		-		-		1.137.927.711		1.137.927.711
Phân phối lợi nhuận	-		-		572.360.144		(1.459.192.317)		(886.832.173)
Số dư cuối kỳ này	86.000.000.000		5.007.985.000		7.996.557.898		28.698.609.884		127.703.152.782

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01//2017/NQ-DHĐCD ngày 25/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền	
	%		VND	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%		11.447.202.884	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%		572.360.144	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,75%		886.832.173	
Lợi nhuận chưa phân phối	87,25%		9.988.010.567	



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	33,49%	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000
Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư MB	10,04%	8.636.000.000	10,04%	8.636.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,51%	4.738.000.000	5,51%	4.738.000.000
Các cổ đông khác	50,96%	43.826.000.000	50,96%	43.826.000.000
	100%	86.000.000.000	100%	86.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.996.557.898	7.424.197.754
	7.996.557.898	7.424.197.754

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	188.848,11	529.114,91

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu vận tải biển	59.310.270.094	61.816.941.470
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.515.477.798	23.794.234.417
	95.825.747.892	85.611.175.887

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	53.907.576.079	46.941.401.235
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.616.448.782	23.001.196.225
	89.524.024.861	69.942.597.460

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.001.163	7.118.805
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	197.779.832	206.361.645
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.890.336	179.263.855
	203.671.331	392.744.305

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.404.704.497	2.032.897.638
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	44.996.731	55.847.912
	1.449.701.228	2.088.745.550

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	686.149.724	445.213.308
	686.149.724	445.213.308

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.193.264	24.186.817
Chi phí nhân công	2.409.821.445	2.331.186.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.920.306	-
Thuế, phí, lệ phí	3.500.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	637.469.997	574.382.521
Chi phí khác bằng tiền	265.357.149	805.004.370
	3.488.262.161	3.737.760.513

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

27 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền phạt thu được	317.583.233	-
Thu nhập từ tiền thưởng do bốc xếp nhanh, hao hụt ít	324.690.809	209.413.339
Thu nhập khác	4.322.610	100.464
	646.596.652	209.513.803

28 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Các khoản bị phạt	5.000.000	-
Chi phí thuê luật sư vụ kiện tranh chấp hàng hóa	100.000.000	222.910.000
Chi phí khác	468.262	261
	105.468.262	222.910.261

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.422.409.639	9.776.206.903
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.422.409.639	9.776.206.903
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	284.481.928	1.955.241.381
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.613.472.491	1.515.042.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.613.472.491)	(1.915.042.790)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	284.481.928	1.555.241.381

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế	1.137.927.711	7.820.965.522
Các khoản điều chỉnh	(68.275.663)	(469.257.931)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(68.275.663)	(469.257.931)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.069.652.048	7.351.707.591
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	124	855

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2017, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ trích là 6% trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.869.685.515	13.283.925.887
Chi phí nhân công	10.976.812.137	11.301.507.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.957.603.878	10.841.683.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.334.283.145	37.743.950.226
Chi phí khác bằng tiền	1.560.052.071	954.504.295
	93.698.436.746	74.125.571.281

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.369.980.477	-	13.424.910.079	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.884.410.728	(268.201.630)	7.271.552.968	(268.201.630)
	16.254.391.205	(268.201.630)	20.696.463.047	(268.201.630)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Vay và nợ	34.359.647.094	44.080.439.495
Phải trả người bán, phải trả khác	14.189.753.634	14.069.764.576
Chi phí phải trả	136.494.019	334.739.118
	48.685.894.747	58.484.943.189

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.369.980.477	-	-	5.369.980.477
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.522.009.098	94.200.000	-	10.616.209.098
	15.891.989.575	94.200.000	-	15.986.189.575
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.424.910.079	-	-	13.424.910.079
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.989.151.338	14.200.000	-	7.003.351.338
	20.414.061.417	14.200.000	-	20.428.261.417

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	14.354.647.094	18.400.000.000	1.605.000.000	34.359.647.094
Phải trả người bán, phải trả khác	14.189.753.634	-	-	14.189.753.634
Chi phí phải trả	136.494.019	-	-	136.494.019
	<u>28.680.894.747</u>	<u>18.400.000.000</u>	<u>1.605.000.000</u>	<u>48.685.894.747</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	21.775.439.495	18.400.000.000	3.905.000.000	44.080.439.495
Phải trả người bán, phải trả khác	14.069.764.576	-	-	14.069.764.576
Chi phí phải trả	334.739.118	-	-	334.739.118
	<u>36.179.943.189</u>	<u>18.400.000.000</u>	<u>3.905.000.000</u>	<u>58.484.943.189</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NỢ TIỀM TÀNG

Tháng 1/2015, tàu vận tải Transco Star (đang được cho thuê định hạn) thuộc sở hữu của Công ty đã vận chuyển một lô hàng phân bón trị giá 781.922,5USD từ cảng Zhapu, Trung Quốc về cảng Quy Nhơn, Việt Nam theo hợp đồng mua bán hàng hóa theo giá FOB giữa người bán (tại Trung Quốc) và người mua (tại Việt Nam). Trong tháng 1/2015, hàng hóa đã được bàn giao cho người mua theo thư cam kết của người mua (Letter of Indemnity). Tuy nhiên, vì nhiều lý do, đến nay người mua vẫn chưa trả tiền hàng cho người bán nên người bán vẫn chưa giao bộ chứng từ hàng hóa cho người mua. Đồng thời, người bán đã gửi đơn kiện Công ty tại Tòa án Hàng hải Ningbo, Trung Quốc về việc bàn giao hàng hóa tại cảng dỡ hàng chỉ dựa trên cam kết của người mua. Theo kết quả phiên xử sơ thẩm của Tòa án vào cuối tháng 11/2016, Công ty (với tư cách là Chủ tàu) bị buộc phải chi trả giá trị lô hàng cho người bán trong trường hợp người mua không trả tiền hàng.

Tuy nhiên, Công ty không chấp nhận phán quyết sơ thẩm trên và đang tiếp tục thông qua luật sư tại Trung Quốc để kháng án lên Tòa án cấp cao hơn do tàu Transco Star đang được cho thuê định hạn, Công ty không trực tiếp ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa. Đồng thời, Công ty cũng đã thuê luật sư tại Việt Nam để bằng mọi biện pháp thúc ép người mua hoàn trả lại lô hàng hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho người bán.

Các bên liên quan đã ký kết xong Biên bản thỏa thuận vào ngày 05/07/2017, trong đó: người mua phải thanh toán 66% giá trị lô hàng cho người bán; người bán chấp nhận chịu 14% giá trị lô hàng, người thuê tàu chấp nhận thanh toán 5% giá trị lô hàng cho người bán và Công ty (là người chủ tàu) chịu trách nhiệm thanh toán 10% giá trị lô hàng (tương đương 78.192,25 USD) cho người bán sau khi người mua thanh toán.

Như vậy, nghĩa vụ thanh toán 10% giá trị lô hàng của Công ty cho người bán do ảnh hưởng của vụ việc nêu trên là chưa chắc chắn trong trường hợp người mua vẫn không thanh toán cho người bán 66% giá trị lô hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

P.427-430, Toà nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông,
Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	59.310.270.094	36.515.477.798	95.825.747.892
Chi phí bộ phận trực tiếp	53.907.576.079	35.616.448.782	89.524.024.861
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.402.694.015	899.029.016	6.301.723.031
Tài sản bộ phận trực tiếp	151.520.927.057	10.487.296.139	162.008.223.196
Tài sản không phân bổ	-	-	20.646.085.123
Tổng tài sản	151.520.927.057	10.487.296.139	182.654.308.319
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	4.158.768.891	11.548.571.840	15.707.340.731
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	39.243.814.806
Tổng nợ phải trả	4.158.768.891	11.548.571.840	54.951.155.537

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.515.477.798	59.310.270.094	95.825.747.892
Tài sản bộ phận	182.522.182.434	132.125.885	182.654.308.319

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	606.983.672	707.194.135



37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Trưởng phòng kế toán



Lê Phát Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2017